

CHẾ ĐỘ QUÂN CHỦ THÁI LAN VÀ PHẬT GIÁO

NGÔ VĂN DOANH^(*)

Phật giáo Nam Tông hay Phật giáo Theravada, một trong những truyền thống tôn giáo cổ xưa nhất của nhân loại, hiện vẫn là tôn giáo chính thống của năm nước Châu Á: Srilanka, Mianma, Thái Lan, Campuchia và Lào. Thật khó có thể hình dung ra lịch sử hiện đại (thế kỉ XX) của năm nước Châu Á trên mà không có Phật giáo Theravada và những ảnh hưởng sâu sắc và nhiều mặt của tôn giáo này. Còn bản thân Phật giáo Theravada thì là cả một đối tượng mênh mông. Đó là cả một truyền thống tinh thần, tôn giáo và tâm lí; là cả một di sản văn bản kinh sách khổng lồ; là cả một hệ thống những nghi thức và những biểu tượng; là cả một loạt những thể chế tôn giáo - xã hội. Tại các nước Châu Á theo Phật giáo Nam Tông, Phật giáo là nền tảng của văn hóa và từ xưa đã có mối quan hệ rất mật thiết với chính quyền. Hay nói ngược lại, từ xưa tới giờ, chính quyền ở năm nước Phật giáo Theravada luôn gắn kết chặt chẽ với Phật giáo nói chung và tăng đoàn Phật giáo nói riêng. Mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và Phật giáo Theravada tại các nước Châu Á là cả một vấn đề khoa học lớn, lí thú và mang tính thời sự. Còn trong bài viết ngắn này, chúng tôi chỉ bàn tới quan hệ giữa chế độ quân chủ hiện đại Thái Lan với Phật giáo mà thôi.

Trước hết, cần phải nhắc tới một điều là, Thái Lan là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử cận - hiện đại ở Đông Nam Á: đây là nước duy nhất trong khu vực không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. Và, một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho đất

nước Thái Lan "trụ" được trước những làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây, như nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu, là sự ra đời của một thể chế nhà nước Thái mới đã diễn ra mạnh mẽ nhưng lại không phá vỡ chế độ mang tính biểu tượng của Phật giáo; hơn thế nữa, Phật giáo Theravada còn được tầng lớp lãnh đạo của đất nước sử dụng một cách có ý thức như một nhân tố liên kết. Để thiết lập một nền chính trị độc lập và mang sắc thái riêng, các nhà cầm quyền Thái đã tiến hành một cuộc "phục hưng Phật giáo" mạnh mẽ. Hai ông vua Môngkút (tức Rama IV-1840-1868) và Chulalongkorn (tức Rama V - 1853 - 1910) đã hướng tới "một chế độ chuyên chế Phật giáo" - xây dựng một sự thống nhất, một thứ bậc tinh thần duy nhất và dễ sai khiến, nghĩa là nhà nước hoá văn hóa, làm trong sạch và làm hiện đại hoá một cách có điều khiển giáo lí và nghi thức - và rồi biến chế độ chuyên chế Phật giáo đó thành chỗ dựa tư tưởng cho cả chế độ chuyên chế chính trị. Chính sách trên đã được thực thi vào đầu thế kỉ XX: sự liên kết Bắc Thái Lan vào chính quyền Băng Cốc, và sự việc trên lại lặp lại ở vùng Đông - Bắc. Chulalongkorn đã thiết lập xong một kiểu nhà nước mới - một chế độ quân chủ chuyên chế thật sự với một trung tâm mạnh.

Vào thời Vagiravut (tức Rama VI - 1880-1925), đã xuất hiện một cấu hình mới cho các biểu tượng nhà nước - hình thành ba nguyên tắc: chat, satsana, mahakesat (dân tộc, tôn giáo, chế độ quân chủ). Trong công thức này, đã định hình

*. TS., Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

xong chủ nghĩa dân tộc Thái; Phật giáo gắn kết chặt chẽ với chủ nghĩa dân tộc; còn chế độ quân chủ thì củng cố bằng pháp luật mối quan hệ trên. Bộ ba nhất thể này đã tạo ra ở Thái Lan một cơ cấu chính trị - tư tưởng gần như độc nhất vô nhị ở Châu Á. Cuộc cách mạng năm 1932 đã dành quyền đứng đầu cho nguyên tắc thứ nhất - dân tộc, và bổ sung thêm cho nguyên tắc này tư tưởng phát triển dân tộc. Với cuộc cách mạng 1932, chế độ quân chủ chuyển từ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến và bắt đầu đóng vai trò của một thể chế ổn định mang tính biểu tượng. Mặc dầu, ít nhiều đã sút kém về mặt ý nghĩa so với phức thể "dân tộc- phát triển", Phật giáo vẫn còn là một trong những yếu tố liên kết quan trọng nhất.

Như vậy là, cái trước và sau năm 1932 (nghĩa là thời quân chủ chuyên chế và thời quân chủ lập hiến), chế độ quân chủ của Thái Lan không tách rời khỏi Phật giáo... Chính liên minh này là cội nguồn sức mạnh và ổn định của chế độ quân chủ Thái. Nếu như, trước năm 1932, chế độ quân chủ không chỉ nắm giữ quyền uy biểu tượng về tinh thần mà còn có những chức năng quyền lực tuyệt đối; thì sau cuộc chính biến (cách mạng) do thủ lĩnh Pridi Phanomgiông lãnh đạo (năm 1932), chế độ quân chủ chỉ còn hoàn toàn là một thể chế thuần Phật giáo. Dù rằng chế độ quân chủ đã chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến, liên minh quân chủ - Phật giáo vẫn được duy trì cho đến hôm nay. Và sự liên kết này đã đem lại lợi ích không chỉ cho bản thân chế độ quân chủ mà còn cho toàn bộ quá trình chính trị của Thái. Chính cái hoàn cảnh mà ở đấy chế độ quân chủ được đồng nhất với hệ thống những giá trị ngự trị trong xã hội, với những biểu tượng của tính kế thừa về mặt tinh thần và của sự đồng thuận của cả dân tộc (ở đây, trong nghĩa này thì Phật giáo Theravada là độc tôn), đã dần dần trả lại cho chế độ quân chủ những chức năng chính trị thực sự. Những chức năng mới

thực sự rõ ràng vào thời kì độc tài quân sự Samrit (1957-1963). Vào thời kì này, uy tín về mặt biểu tượng của vua được đề cao mạnh mẽ. Vào những thập niên sau đó, và cho đến tận bây giờ, vị trí đặc biệt của quân chủ trong hệ thống chính trị đã được thiết lập xong. Vào thời gian khủng hoảng (những năm 70 thế kỉ XX) đức vua là nhân vật có ảnh hưởng nhất; tất cả những lực lượng đối lập, cả phong trào dân chủ của sinh viên, đều hướng tới và nghe theo đức vua. Ảnh của vua Phumiphon (Rama IX-1927 đến nay) bên cạnh hình Đức Phật luôn luôn xuất hiện tại những cuộc tuần hành và trong các khu sinh viên. Giờ đây, chế độ quân chủ duy nhất có khả năng trở thành trung tâm thể hiện ý thức dân tộc và nhân tố quan trọng cho sự củng cố và phát triển đất nước.

Những nguyên nhân nào khiến cho chế độ quân chủ, trong những năm gần đây, lại có một ảnh hưởng to lớn như vậy đối với đời sống chính trị của Thái Lan? Theo các nhà nghiên cứu, một trong những nguyên nhân quan trọng nhất là Phật giáo. Mà Phật giáo chính là cơ sở giá trị của thể chế quân chủ. Còn chế độ quân chủ, cho đến nay, vẫn là sự hồi tưởng mạnh mẽ về giá trị Phật giáo, vẫn là nơi lưu giữ tính linh thiêng của truyền thống chính trị. Cơ tầng tôn giáo (Phật giáo) của chế độ quân chủ bảo đảm cho chế độ quân chủ tính chính thống tuyệt đối; đến lượt mình, chỉ riêng bằng sự tồn tại của mình, chế độ quân chủ đã truyền tính chính thống cho toàn bộ hệ thống chính trị nói chung và cho từng chế độ nói riêng.

Không chỉ hiện nay, mà ngay từ ngày đầu lập quốc, các vua Thái Lan và vương triều đều rất quan tâm và chăm lo cho Phật giáo. Có thể kể ra nhiều ví dụ. Con vua Ramkhamheng (người lập ra nhà nước Thái Sự Khố Thay) là Luthay (1317-1347) được phong "Dharma Ratja" (vương đạo) vì có nhiều công trạng đối với Phật giáo. Vua Lithay (1347 - 1368) đã viết bộ sách khổng lồ về Phật giáo - bộ *Tray*

Phum (Ba thế giới)... Và, để nắm Phật giáo, các vua Thái luôn tiến hành cải cách hệ thống tăng đoàn Phật giáo. Một trong những cải cách quan trọng nhất là do vua Rama V (Chulalongkorn) tiến hành. Năm 1902, nhà vua ban hành đạo luật tổ chức tăng đoàn, lập hội đồng cao tăng để lãnh đạo tăng ni cả nước. Hội đồng cao tăng do vua lập ra gồm 9 vị. Nhà vua còn cho mời 4 cao tăng giúp vua về những vấn đề tôn giáo. Luật tổ chức tăng đoàn cũng quy định cả trang phục của các sư trong cả nước, quy định quản lý tài sản của các chùa... Ngoài ra vua còn cho lập Viện Nghiên cứu Phật giáo (năm 1904), Đại học Phật giáo (năm 1890 - lúc đó có tên là Học viện Đại xá lý)...

Đến năm 1963, để phù hợp với một đất nước có thể chế chính trị mới là nền quân chủ lập hiến, hệ thống tổ chức Phật giáo được hoàn chỉnh hơn. Tăng đoàn (Xangkha) có cơ quan cao nhất là Hội đồng lãnh đạo (Kanaxong). Đứng đầu Kanaxong là vua sư (Xổm det mahā Xangkharát). Hội đồng có 4 Ban: Ban hành chính, Ban giáo dục, Ban tuyên truyền và Ban phụ trách các công việc xã hội. Toàn Thái Lan được chia thành 18 vùng tôn giáo nằm trong 4 khu vực: Khu Trung tâm, khu Bắc, khu Đông và khu Nam. Đứng đầu mỗi khu là một đại sư (Mahā Thera); đứng đầu mỗi vùng là một đại sư hiệu (Chao Khanpac). Dưới vùng là các Xangkha của tỉnh, thị trấn, huyện, xã (tambon) và làng. Đơn vị thấp nhất của Xangkha là chùa, mà người phụ trách chùa do Ủy ban Tôn giáo huyện hoặc tỉnh chỉ định. Xangkha có cả một bộ máy tư pháp riêng bao gồm: toà án tối cao, toà án thượng thẩm, các toà án cấp I, cấp khu vực. Tài sản của Xangkha gồm: tài sản của trung ương và tài sản của chùa (gồm nhà cửa, ruộng đất, đồ dùng...). Thái Lan là nước Phật giáo duy nhất đã thực hiện trả lương cho sư.

Tổ chức Xangkha luôn chịu sự kiểm soát của chính phủ thông qua những tổ

chức hành chính. Bên cạnh Kanaxong có Vụ Tôn giáo trực thuộc Bộ Giáo dục. Vụ trưởng vụ này đồng thời là thư ký của Kanaxong và chính vụ Tôn giáo lại là Ban thư ký của Kanaxong. Việc bổ nhiệm hay bãi miễn các thành viên của Kanaxong được Vụ Tôn giáo thực hiện thông qua sự duyệt ý của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Bộ trưởng Bộ Giáo dục là người quyết định ngân sách hàng năm cho Xangkha. Còn Vụ Tôn giáo thì quản lý tài sản của Kanaxong. Vụ Tôn giáo có hệ thống tổ chức giống như hệ thống của Xangkha. Các cấp dưới của Vụ Tôn giáo cũng đồng cấp với các tổ chức của Xangkha ở khu vực, vùng, tỉnh, thị trấn, huyện, xã.

Tóm lại, với cuộc "phục hưng Phật giáo" do hai ông vua Rama IV và Rama V khởi xướng và triển khai, Phật giáo ở Thái Lan dần dần được thống nhất và rồi trở thành một "chế độ chuyên chế Phật giáo". Và, cũng bắt đầu từ cuộc "phục hưng" này, nhà nước quân chủ của Thái Lan đã dần dần liên kết chặt chẽ để rồi không chế được Phật giáo nhằm phụng sự cho lợi ích quốc gia. Sự liên kết này đã tạo ra mô hình bộ ba: dân tộc, tôn giáo và chế độ quân chủ. Bộ ba nhất thể này của Thái Lan là một cơ cấu chính trị - tư tưởng thật đặc biệt và thuộc loại có một không hai ở thế giới các quốc gia Phật giáo Châu Á. Chính vai trò to lớn của Phật giáo đối với đời sống văn hóa - xã hội của đất nước cũng như sự liên kết chặt chẽ giữa Phật giáo với chế độ quân chủ đã góp phần không nhỏ vào việc duy trì và tăng cường vai trò của hoàng gia (đặc biệt là của vua) đối với đời sống chính trị hiện đại Thái Lan kể từ sau cuộc cách mạng 1932. Mặc dầu, chế độ chính trị của Thái Lan đã chuyển từ quân chủ chuyên chế sang quân chủ lập hiến, nhưng hoàng gia cũng như chính phủ của Thái Lan đều giữ mối liên kết chặt chẽ với Phật giáo nói chung và với tổ chức tăng ni nói riêng để củng cố sự ổn định và phát triển của đất nước./